FireAnt

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG)

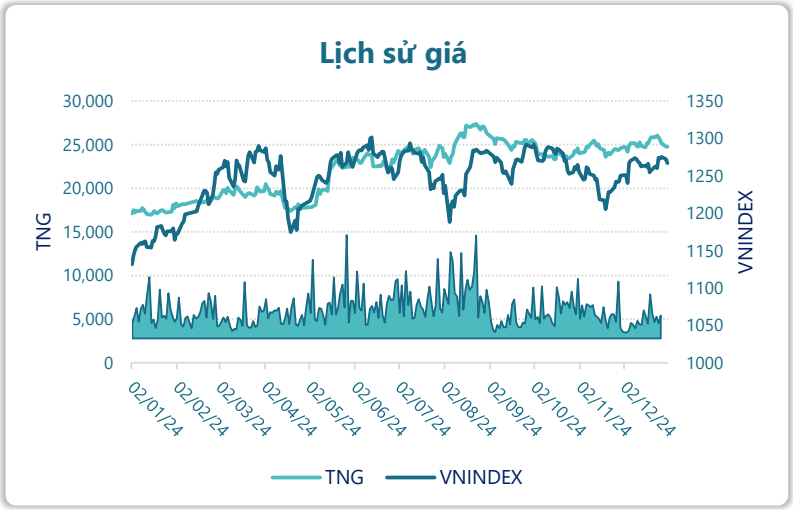

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,386
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,960
SL cổ phiếu LH	122,601,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,294,740
% sở hữu nước ngoài	16.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,090
P/E	9.8
EPS	2,574

DT thuần

Q4/24

1,852

tỷ VNĐ

QoQ: ▼506| -21.5%

YoY: ▲ 198| 11.9%

LN sau thuế

Q4/24

74.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼36.4| -32.8%

YoY: ▲ 18.1| 32.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

7.8%

+/- YoY: ▲ 1.3%

DT thuần

2024

7,736

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 641| 9.0%

LN sau thuế

2024

316

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 97.0| 43.8%

ROE

2024

16.8%

+/- YoY: ▲ 5.0%

Kết quả kinh doanh

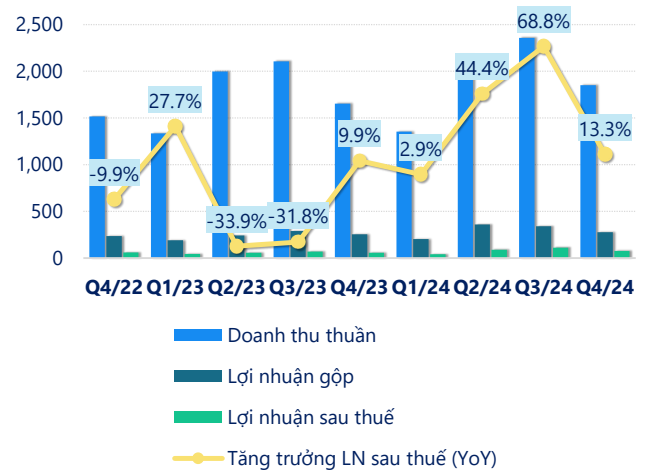

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

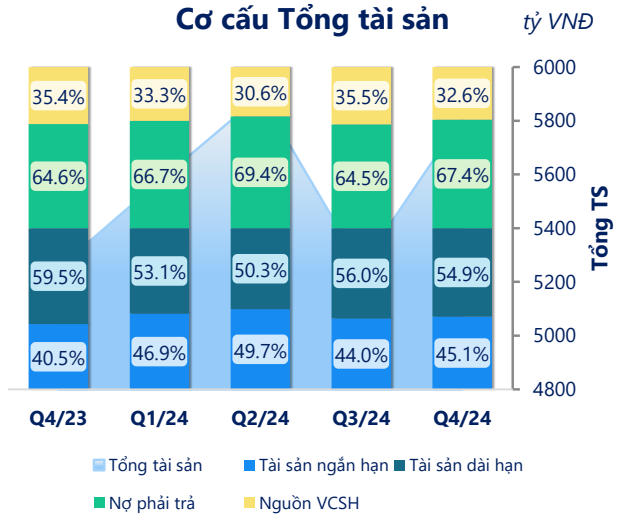

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

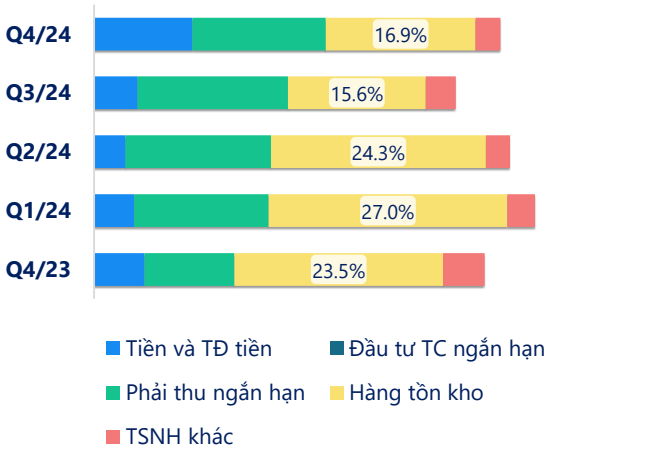

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

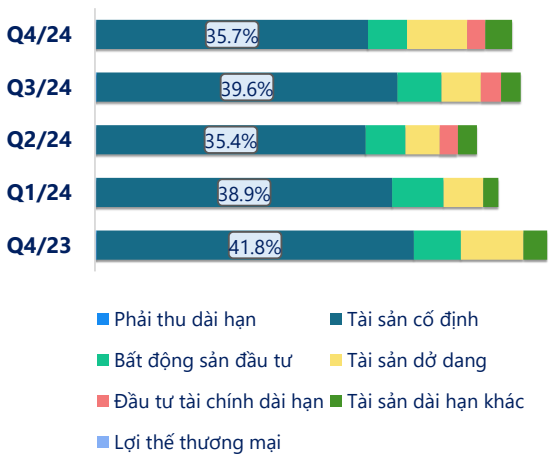

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

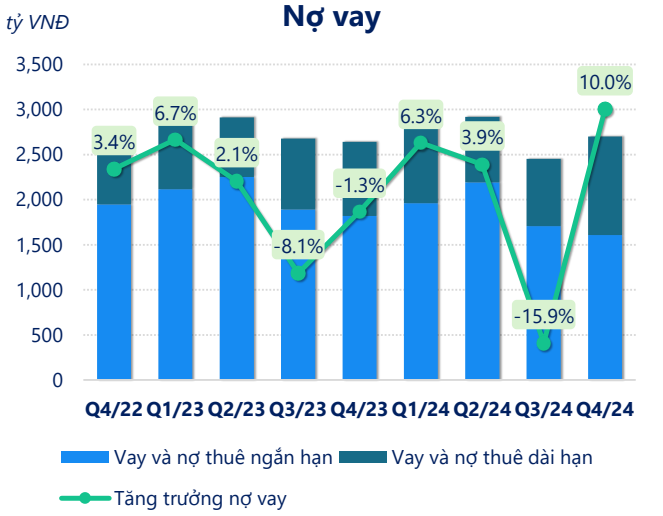

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

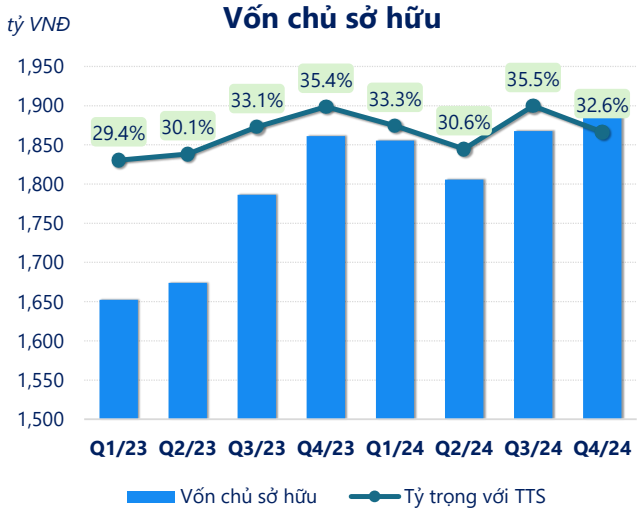

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

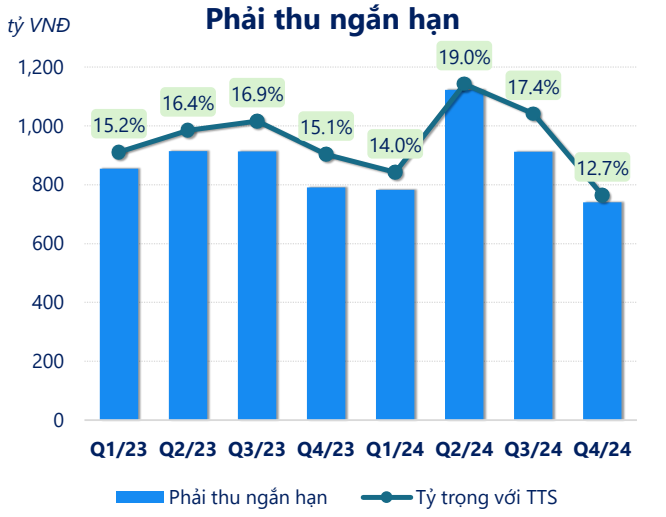

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

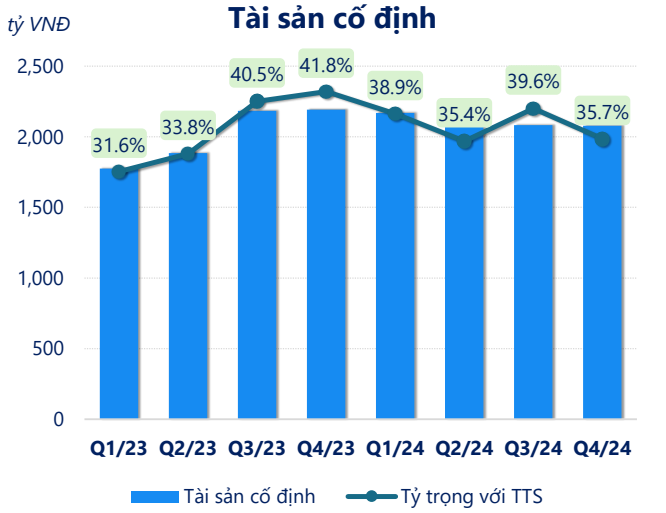

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

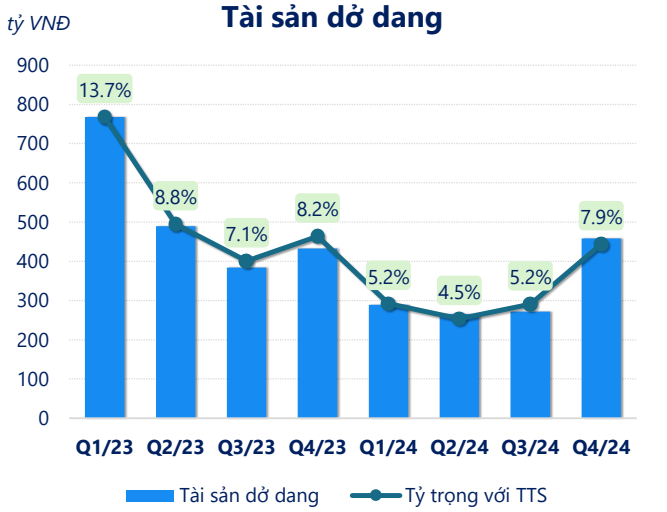

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

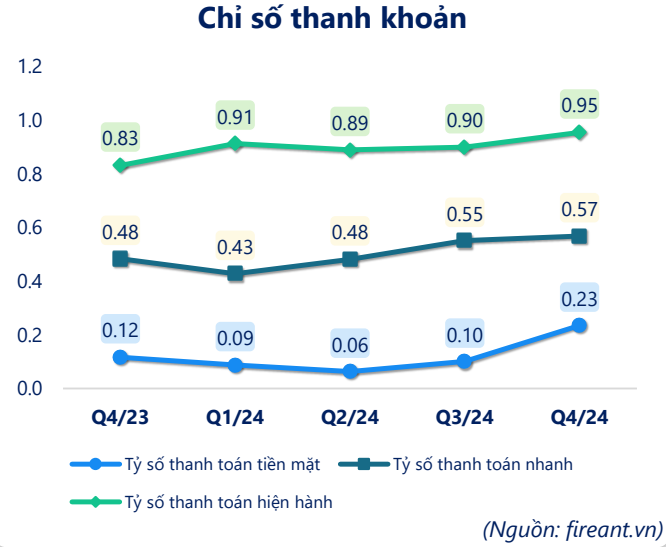

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

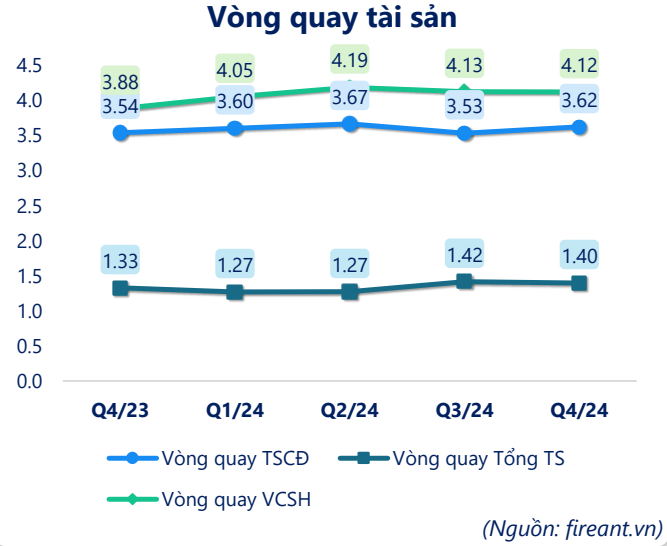

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**5,251**	**5,575**	**5,894**	**5,257**	**5,812**
Tài sản ngắn hạn	**2,125**	**2,615**	**2,930**	**2,311**	**2,620**
Tiền và tương đương tiền	299	251	208	259	645
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	15.0	45.0	45.0	60.0
Phải thu ngắn hạn	790	783	1,122	912	740
Hàng tồn kho	888	1,390	1,344	896	1,060
Tài sản ngắn hạn khác	147	176	211	199	115
Tài sản dài hạn	**3,127**	**2,960**	**2,964**	**2,945**	**3,192**
Phải thu dài hạn	10.7	10.7	10.7	10.7	10.7
Tài sản cố định	2,193	2,170	2,089	2,083	2,078
Bất động sản đầu tư	325	379	311	306	300
Tài sản dở dang	433	289	266	272	459
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	140	140	140
Tài sản dài hạn khác	165	112	148	134	205
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,390**	**3,720**	**4,089**	**3,389**	**3,919**
Nợ ngắn hạn	**2,556**	**2,864**	**3,295**	**2,570**	**2,746**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,819	1,961	2,190	1,706	1,607
Phải trả người bán ngắn hạn	477	684	872	496	777
Nợ dài hạn	834	856	794	819	1,173
Vay và nợ thuê dài hạn	822	846	727	748	1,093
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,861**	**1,855**	**1,806**	**1,868**	**1,893**
Vốn chủ sở hữu	**1,861**	**1,855**	**1,806**	**1,868**	**1,893**
Vốn điều lệ	1,135	1,135	1,135	1,226	1,226
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)